

Bản án số: 163/2022/DS-PT

Ngày: 30/5/2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

Các Thẩm phán:

Ông Mai Tiến Dũng

Ông Trương Chí Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 112/2022/TLPT-DS ngày 23/3/2022 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 142/2021/DS-ST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2022/QĐXX-PT ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T H, sinh năm 1963, Ông Phạm V S, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 20, ngõ 280 L, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm T N A, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường X, quận N, TP. Hà Nội.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn H H, luật sư Trịnh T H, luật sư Phạm T T H – Công ty luật TNHH H T, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Vũ Đ T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 14, liên kề 13, khu đô thị V, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Q C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thửa 264A, tổ 16 H, phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đ N, sinh năm 1962.

2. Bà Đỗ T S, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 7, ngõ 59 đường Y, tổ 14, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Vũ Đ T (Là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Năm 2010, ông bà được biết ông Vũ Đ T có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích hơn 50m². Ông bà và ông Trường thỏa thuận mua bán và bà đã giao tiền cho ông Trường số tiền là 1.320.000.000 đồng. Việc giao tiền thực hiện làm 03 lần: lần 1 ngày 28/7/2010, số tiền cọc 50.000.000 đồng; lần 2 ngày 02/8/2010, số tiền 800.000.000 đồng; lần 3 số tiền 470.000.000 đồng vào ngày lập Hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2010 giữa ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S, bà Nguyễn Thị Quyết và ông bà.

Các ông bà giao tiền và ký hợp đồng ủy quyền tại trụ sở UBND phường Yên Nghĩa. Nội dung hợp đồng ủy quyền ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S, bà Nguyễn Thị Quyết ủy quyền cho ông bà thực hiện các công việc, thủ tục, nghĩa vụ liên quan đến việc nhận diện tích đất đã được UBND quận Hà Đông phê duyệt đủ điều kiện giao đất dịch vụ thuộc phường N, quận H theo Quyết định số 5130/QĐ-UBND ngày 16/6/2010 về việc phê duyệt danh sách các trường hợp đủ điều kiện giao đất dịch vụ theo Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 và nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thuộc phường N, quận H. Theo danh sách thì hộ ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S được giao 35,8m² đất dịch vụ; hộ bà Nguyễn Thị Quyết được giao 14,7m² đất dịch vụ.

Đến năm 2017, ông bà được ông Trường báo và làm thủ tục hủy hợp đồng ủy quyền với ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S, bà Nguyễn Thị Quyết vì ông Ngời, bà Sơn chưa được nhận đất dịch vụ, chỉ có bà Quyết được giao 14,7m² đất.

Đối với diện tích 14,7m² đất của bà Quyết, ông bà đã nhận và ghép thửa với người khác nên ông bà không có ý kiến gì và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết đối với số tiền 470.000.000 đồng ông bà giao ngày 10/8/2010 để nhận chuyển nhượng diện tích đất này. Nay bà được biết ông Ngời bà Sơn không được giao đất dịch vụ nên ông bà khởi kiện yêu cầu ông Vũ Đ T hoàn trả số tiền 850.000.000 đồng đã nhận.

Bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về nội dung đơn khởi kiện và trình bày của bà Hồng tại biên bản đối chất có nhiều mâu thuẫn. Về diện tích đất dịch vụ của ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S, bà Nguyễn Thị Quyết ban đầu là ký hợp đồng ủy quyền cho ông Vũ Đ T, sau do ông Phạm V S đến nhà ông Trường đặt vấn đề chuyển hợp đồng ủy quyền từ ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S, bà Nguyễn Thị Quyết sang cho bà Hồng (vợ ông Sỹ) do thời điểm đó ông Sỹ đang công tác không tiện đứng tên hợp đồng. Số tiền cọc 50.000.000 đồng do ông Sỹ trực

tiếp giao cho ông Trường. Theo thỏa thuận thì tổng số tiền bà Hồng, ông Sỹ phải thanh toán là 1.320.000.000 đồng nhưng thực tế mới giao được 850.000.000 đồng còn khoản tiền 470.000.000 đồng còn lại bà Hồng, ông Sỹ chưa thanh toán.

Kể từ ngày bà Hồng xác lập Hợp đồng ủy quyền với ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S, bà Nguyễn Thị Quyết thì quyền lợi, nghĩa vụ của ông Trường với bà Hồng ông Sỹ hay với ông Ngòi, bà Sơn, bà Quyết đã chấm dứt. Mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữa bà Hồng ông Sỹ với ông Ngòi, bà Sơn, bà Quyết là của họ với nhau, không có liên quan gì đến ông Trường. Số tiền bà Hồng, ông Sỹ giao cho ông Trường là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nhằm để ông Trường thay bà Hồng ông Sỹ thực hiện nghĩa vụ đối với ông Ngòi, bà Sơn, bà Quyết. Ông Trường đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, do đó ông Trường không đồng ý với quan điểm của bà Hồng yêu cầu ông Trường hoàn trả số tiền 850.000.000 đồng.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận mọi yêu cầu khởi kiện của bà Hồng, ông Sỹ đòi ông Vũ Đ T hoàn trả 850.000.000 đồng do không có căn cứ, không đúng đối tượng và thời hiệu khởi kiện đòi lại tài sản của bà Hồng, ông Sỹ đã hết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S thống nhất trình bày:

Năm 2009, hộ gia đình ông bà được xét cấp 35,8m² đất dịch vụ, do chưa đủ suất đất dịch vụ (50m²) nên hộ gia đình ông bà thỏa thuận ghép chung 14,7m² của hộ bà Nguyễn Thị Quyết và cử ông Nguyễn Đ N đứng tên đại diện nhận suất đất dịch vụ. Sau khi có quyết định 5130/QĐ-UBND về việc phê duyệt 2965 trường hợp đủ điều kiện giao đất dịch vụ, ngày 28/6/2010 hộ gia đình ông bà và hộ bà Quyết đã lập giấy ủy quyền làm thủ tục và nhận đất dịch vụ cho ông Vũ Đ T. Theo thỏa thuận thì ông Trường phải nộp cho ông bà một khoản tiền, hiện đã lâu nên ông bà không nhớ rõ bao nhiêu.

Đến 28/7/2010, ông Trường đề nghị ông bà chấm dứt hiệu lực của giấy ủy quyền ngày 28/6/2010 để lập ủy quyền mới với người ông Trường giới thiệu là bà Nguyễn T H. Ngày 10/8/2010, bên ủy quyền gồm ông bà và bà Quyết cùng bên nhận ủy quyền là bà Hồng đã lập Hợp đồng ủy quyền tại văn phòng Công chứng Thành Đô số 2319/2010. Đến ngày 24/5/2017, theo đề nghị của bà Hồng, ông bà đã lập văn bản chấm dứt hợp đồng ủy quyền, lúc này mọi người đều biết do chính sách thay đổi, gia đình ông bà chưa được cấp đất dịch vụ. Ngày 10/6/2017, vợ chồng ông bà có lập bản cam kết với nội dung sau này nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trả bằng đất dịch vụ thì bà Hồng, ông Sỹ được hưởng. Nếu nhà nước chi trả bằng tiền thì bà Hồng, ông Sỹ được hưởng 2/3 chế độ trên diện tích đất nông nghiệp dự trừ thu hồi là 527m².

Tại văn bản số 296/UBND-ĐCXĐ ngày 25/9/2020 của UBND phường Yên Nghĩa cung cấp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông giải quyết tin báo tố giác của bà Nguyễn T H có nội dung: Hộ gia đình ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S có tổng diện tích đất nông nghiệp được giao: 1.065,0m², diện tích đất nông nghiệp chưa

thu hồi nằm trong quy hoạch các dự án: 527,0m²; diện tích đất nông nghiệp chưa vào dự án: 528,0m², tỷ lệ xét giao đất dịch vụ (6,8%), diện tích đất dịch vụ xin giao: 35,8m². Năm 2011 sau khi bóc tách, diện tích đã có quyết định thu hồi và diện tích chưa có quyết định thu hồi của Nhà nước để thực hiện các dự án trên địa bàn phường Yên Nghĩa thì hộ gia đình ông Nguyễn Đ N không có diện tích đất nông nghiệp đã có Quyết định thu hồi, nên chưa được xét giao đất dịch vụ trên địa bàn. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Quyết có tổng diện tích đất nông nghiệp được giao 765,0m², diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi nằm trong quy hoạch dự án 216m², tỷ lệ xét giao đất dịch vụ (6,8%), diện tích đất dịch vụ xin giao 14,7m², ngày 10/9/2016 đã bóc thăm ghép lô đồng sử dụng đất với ông Nguyễn Văn Nguyên diện tích 35,8m², lô đất DV38-LK1049 đã có quyết định giao đất và cấp GCNQSD đất.

Tại văn bản số 237/CAHD-KT ngày 07/10/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông thông báo kết quả giải quyết tin báo tố giác cho biết sau khi xác minh, xác định: Theo Quyết định 5130/QĐ-UBND ngày 16/6/2010, hộ gia đình ông Ngời có diện tích đất dịch vụ xin giao 35,8m². Ông Ngời đã nhượng quyền nhận suất đất dịch vụ nêu trên cho nhiều người, sau này người nhận chuyển nhượng là ông Vũ Đ T. Ông Ngời cam kết sau khi nhà nước có quyết định thu hồi đất nông nghiệp và đền bù bằng đất dịch vụ hay bất cứ hình thức nào thì cũng sẽ giao toàn bộ quyền lợi cho người mua cuối cùng là bà Nguyễn T H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 142/2021/DS-ST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T H và ông Phạm V S đối với ông Vũ Đ T.

2. Buộc ông Vũ Đ T phải trả bà Nguyễn T H và ông Phạm V S số tiền 850.000.000đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm ngày 09/12/2021 của ông Vũ Đ T – Là bị đơn kháng có đơn cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Vũ Đ T và vợ chồng bà Nguyễn T H, ông Phạm V S thực hiện giao dịch về việc chuyển nhượng diện tích đất dịch vụ nhưng không lập Hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ viết giấy nhận tiền đặt cọc, tiền đất dịch vụ và thực hiện việc ký Hợp đồng ủy quyền của vợ chồng ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S và bà Nguyễn Thị Quyết với nội dung ủy quyền cho bà Nguyễn T H nhân danh thực hiện các công việc, thủ tục, nghĩa vụ liên quan đến việc nhận, quản lý sử dụng diện tích đất khi được bàn giao theo Quyết định số 5130/QĐ-UBND ngày 16/6/2010 của UBND quận Hà Đông phê duyệt danh sách các trường hợp đủ điều kiện giao đất dịch vụ theo Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 và nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thuộc phường N, quận H. Theo danh sách thì hộ ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S có diện tích đất dịch vụ xin giao 35,8m²; hộ bà Nguyễn Thị Quyết có diện tích đất dịch vụ xin giao 14,7m².

Tuy nhiên sau đó chỉ bà Nguyễn Thị Quyết được giao 14,7m² đất. Diện tích đất của bà Quyết, bà Hồng đã được nhận, ghép lô với người khác và không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề liên quan đến bà Nguyễn Thị Quyết. Đối với hộ ông Nguyễn Đ N, bà Đỗ T S không được nhận đất dịch vụ vì diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông Ngòi, bà Sơn không nằm trong diện tích đất được nhà nước thu hồi. Vì vậy, bà Hồng, ông Sỹ khởi kiện yêu cầu ông Trường trả lại số tiền đã nhận vào ngày 28/7/2010 và ngày 02/8/2010, tổng cộng 850.000.000đồng.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể:

- Ông Vũ Đ T thanh toán cho bà Nguyễn T H, ông Phạm V S số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Hai bên đã thanh toán đầy đủ số tiền nói trên tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung trên vào bản án.

- Ông Vũ Đ T, bà Nguyễn T H, ông Phạm V S và ông Nguyễn Đ N, bà Nguyễn Thị Sơn thống nhất hủy bỏ văn bản cam kết đề ngày 10/6/2017 của ông Nguyễn Đ N và bà Nguyễn Thị Sơn có chữ ký của ông Trường là người làm chứng được lập tại gia đình ông Nguyễn Đ N, đề nghị HĐXX ghi nhận trong bản án phúc thẩm.

- Về án phí: Bà Nguyễn T H, ông Phạm V S tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án. Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm số 142/2021/DSST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 400.000.000 đồng đã thỏa thuận được tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại khoản 5, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hồng, ông Sỹ tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên ông Sỹ là người cao tuổi nên được HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Hồng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Vũ Đ T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử: sửa bản án dân sự sơ thẩm số 142/2021/DSST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T H, ông Phạm V S đối với ông Vũ Đ T.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Vũ Đ T và bà Nguyễn T H, ông Phạm V S về việc ông Trường thanh toán cho bà Hồng, ông Sỹ số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Xác định ông Vũ Đ T đã thanh toán đầy đủ số tiền trên bà Nguyễn T H, ông Phạm V S tại phiên tòa.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Vũ Đ T, bà Nguyễn T H, ông Phạm V S và ông Nguyễn Đ N, bà Nguyễn Thị Sơn về việc hủy bỏ văn bản cam kết đề ngày 10/6/2017 giữa ông Nguyễn Đ N và bà Nguyễn Thị Sơn, có chữ ký của ông Vũ Đ T là người làm chứng.

5. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm V S.

Bà Nguyễn T H phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.750.000 đồng bà Hồng, ông Sỹ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009754 ngày 05/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, hoàn trả bà Hồng số tiền 8.750.000 đồng.

- Ông Vũ Đ T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả ông Trường số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009558 ngày 16/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục THA dân sự quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Mạnh Cẩm Yên